TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 35/2023/DS-ST
Ngày: 21 – 9 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khon Sốc;
2. Bà Lê Huỳnh Ngọc Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2023 về: *"Tranh chấp hợp đồng hụi",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXX- DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm: 1950; địa chỉ cư trú: Tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang

Bị đơn: Ông Trần Văn Ơ, sinh năm: 1964 – bà Nguyễn Thị L1 (G), sinh năm: 1973; cùng địa chỉ cư trú: Tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, có mặt bà L; vắng mặt bà L1 – ông Ơ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2023 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị L trình bày:

Nguyên bà với ông Ơ – bà L1 là quen thân. Thấy ông Ơ – bà L1 là người làm ăn mua bán và có uy tín, nên từ tháng 08al/2021 đến tháng 5al/2022 cho ông Ơ – bà L1 tham gia 04 dây hụi do bà làm chủ. Cụ thể:

- Dây thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 10/8al/2021, nữa tháng khui 01 phần, hụi gồm 40 phần, ông Ơ – bà L1 tham gia 01 phần và ông Ơ – bà L1 đã hốt ở lần khui thứ hai được số tiền 63.900.000 đồng, sau đó ông Ơ – bà L1 chầu lại hụi chết đến lần thứ 36, còn lại 04 lần bằng 8.000.000 đồng không chầu.

- Dây thứ hai: Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 22/02al/2022, nữa tháng khui 01 phần, hụi gồm 35 phần, ông Ơ – bà L1 tham gia 01 phần và ông Ơ – bà L1 đã hốt ở lần

khui thứ hai được số tiền 84.300.000 đồng, sau đó ông Ơ – bà L1 chầu lại hụi chết đến lần thứ 23, còn lại 12 lần bằng 36.000.000 đồng không chầu.

- Dây thứ ba: Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 09/5al/2022, nữa tháng khui 01 phần, hụi gồm 30 phần, ông Ơ – bà L1 tham gia 02 phần và ông Ơ – bà L1 đã hốt ở lần khui thứ 3 được số tiền 66.950.000 đồng và lần thứ 8 được số tiền 69.990.000 đồng, sau đó ông Ơ – bà L1 chầu lại hụi chết đến lần thứ 18, còn lại 12 lần bằng 72.000.000 đồng không chầu.

- Dây thứ tư: Hụi 10.000.000 đồng, mở ngày 26/09al/2021, 01 tháng khui 01 phần, hụi gồm 29 phần, ông Ơ – bà L1 tham gia 02 phần và ông Ơ – bà L1 đã hốt ở lần khui thứ 2 được số tiền 208.500.000 đồng và lần thứ 8 được số tiền 221.160.000 đồng, sau đó ông Ơ – bà L1 chầu lại hụi chết đến lần thứ 17, còn lại 12 lần bằng 240.000.000 đồng không chầu.

Ngoài ra, trong quá trình chầu hụi của mỗi kỳ trên từng dây hụi thì ông Ơ - bà L1 còn thiếu lại bà một ít, tính đến tháng 12/2022 (không ghi ngày) bà L1 nợ 70.000.000 đồng và tháng 01/2023 nợ 15.000.000 đồng. Tổng số 85.000.000 đồng bà L1 có ký xác nhận số nợ này.

Tổng cộng các khoản nợ là 441.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Ơ - bà L1 phải thanh toán ngay số tiền trên cho bà.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông Ơ – bà L1 để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông bà vắng mặt.

Tại biên bản làm việc ngày 14/9/2023 của Tòa án, ông Ơ – bà L1 thừa nhận có tham gia hụi do bà L làm chủ và ông bà đã hốt xong, nhưng tham gia vào thời gian nào, tham gia mấy dây thì không nhớ. Ông bà cũng đã chầu trả và còn nợ bà L, nhưng nợ bao nhiêu thì ông bà cũng không nhớ. Quá trình tham gia hụi có chầu thiếu thì bà L có xuất tiền nhà ra choàng nhưng không biết bao nhiêu, chứ ông bà không có vay tiền của bà L. Nay ông bà cũng không có thời gian để đối chiếu nợ với bà L và bà L yêu cầu trả tổng cộng 441.000.000 đồng thì ông bà không đồng ý.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà L1 thừa nhận có tham gia hụi do bà L làm chủ và đã hốt, các giấy ghi hụi do bà L cung cấp đều có chữ viết và chữ ký của bà L1 nhận tiền; bà L đã thực hiện đúng theo Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Hụi, họ, biêu, phường. Tuy niên trong các dây hụi thì hiện có 01 dây hụi 10.000.000 đồng mở ngày 26/9al/2021 còn 05 kỳ bằng 100.000.000 đồng chưa mãn, nhưng bà L yêu cầu là chưa phù hợp. Đối với yêu cầu ông Ơ cùng liên đới với bà L1, nhận thấy: Mặc dù các dây hụi này chỉ có bà L1 tham gia nhưng ông Ơ và bà L1 là vợ chồng, hụi được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân nhằm phục vụ việc kinh doanh trong gia đình nên ông Ơ phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Từ phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục: Ông Ơ – bà L1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa, nhưng ông bà vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử trong trường hợp vắng mặt ông Ơ – bà L1 theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Cho rằng sau khi hốt hụi xong, ông Ơ – bà L1 không chầu hụi chết cho mình. Ngoài ra, quá trình ông Ơ – bà L1 chầu hụi trước đó còn thiếu thì bà L xuất tiền nhà ra choàng nhưng không trả nên bà L khởi kiện. Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà L Tòa án xác định quan hệ: *"Tranh chấp hợp đồng hụi*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử xác định cả *"hợp đồng vay tài sản"* là chưa phù hợp.

[3]. Về thời hiệu - thẩm quyền: Các dây hụi sau khi hốt và vay ông Ơ - bà L1 không chầu trả cho bà L kể từ tháng 02al/2023 (tháng 3/2023), nên ngày 12/4/2023 bà L khởi kiện là còn trong thời hiệu quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự. Ông Ơ – bà L1 có nơi cư trú tại huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung: Các bên thống nhất có tham gia hụi, hốt hụi và chầu trả, nhưng tham gia bao nhiêu dây hụi và chầu trả bao nhiêu lần, còn nợ bao nhiêu bao tiền thì các bên không thống nhất, theo đó từng nội dung HĐXX xét thấy như sau:

[4.1]. Xét có hay không có tham gia hợp đồng:

Tại biên bản làm việc ngày 14/9/2023, ông Ơ – bà L1 thừa nhận có tham gia hụi do bà L làm chủ và tất cả các dây hụi ông bà đã hốt xong, nhưng tham gia vào thời gian nào, tham gia mấy dây và còn nợ bao nhiêu thì ông bà không nhớ... Giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa, bà L trình bày: Từ tháng 08al/2021 đến tháng 5al/2022 ông Ơ – bà L1 tham gia 04 dây hụi gồm 01 dây 2.000.000 đồng, 02 dây mỗi dây 3.000.000 đồng và 01 dây hụi 10.000.000 đồng. Trình bày của bà L đã được các bà Trần Thị T, Phạm Thị P, Đặng Thị L2 là những người tham gia chung với ông Ơ – bà L1 biết. Như vậy có đủ cơ sở xác định ông Ơ – bà L1 có tham gia 04 dây hụi như bà L trình bày.

[4.2]. Xác định nợ:

Xét thấy vào ngày 17/5/2023, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Ơ – bà L1 thông báo về việc thụ lý vụ án, theo đó bà L kiện ông Ơ - bà L1 441.000.000 đồng, nhưng ông Ơ - bà L1 không có ý kiến phản bác. Trong tổng khoản nợ 441.000.000 đồng, khi làm việc bà L nêu rõ có 356.000.000 đồng tiền hụi không chầu kể từ tháng 02al/2023 và 85.000.000 đồng tiền hụi chầu thiếu trước tháng 02al/2023, trên cơ sở bà L1 ký các biên nhận của bà L thì ông Ơ – bà L1 cũng không có ý kiến. Quá trình tố tụng ông Ơ – bà L1 không hợp tác, ông bà thừa nhận nội dung làm việc tại biên bản ngày 14/9/2023 nhưng không đồng ý ký biên bản; ông bà cũng thừa nhận còn nợ bà L, nhưng không nhớ nợ bao nhiêu, trong khi Tòa án cho ông bà một thời gian để đối chất các khoản và bao gồm cả các biên nhận nhận tiền hụi của bà L thì ông bà không đồng ý… Từ đó cho thấy ông Ơ – bà L1 chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình đối với nợ bà L, nên việc bà L kiện ông Ơ – bà L1 phải trả 441.000.000 đồng là có cơ sở.

Tuy nhiên, do hụi tham gia giữa các bên là hụi nữa tháng và hụi 01 tháng mở 01 kỳ. Tại biên bản lời khai ngày 02/8/2023 bà L trình bày: Tính đến ngày 15/9/2023 ông Ơ – bà L1 nợ bà tiền hụi tương ứng thời gian chưa chầu là 256.000.000 đồng và sau đó cứ mỗi tháng ông Ơ – bà L1 phải chầu trả cho bà 20.000.000 đồng, bởi do trong 04 dây hụi nêu trên, đến hiện tại còn lại 01 dây hụi 10.000.000 đồng mở ngày 26/9al/2021 chưa mãn, nhưng bà L yêu cầu ông Ơ – bà L1 phải trả toàn bộ 356.000.000 đồng là bao gồm cả khi 05 phần hụi x 10.000.000 đồng x 02 phần = 100.000.000 đồng chưa khui là chưa phù hợp, nên HĐXX không chấp nhận một phần yêu cầu này của bà L mà chỉ chấp nhận buộc trả 256.000.000 đồng + 85.000.000 đồng = 341.000.000 đồng.

HĐXX cũng giải thích cho bà L biết được quyền khởi kiện ông Ơ – bà L1 tiếp những phần hụi còn lại đã khui nếu ông Ơ – bà L1 không chầu trả cho bà.

[4.3]. Xét về nghĩa vụ: Cũng qua xác minh thu thập chứng cứ tại các biên bản ngày 14/9/2023 của Tòa án, thì các bà Trần Thị T, Phạm Thị P, Đặng Thị L2 cùng cho biết: Ông Ơ – bà L1 (tên gọi khác là Gái E) là quan hệ vợ chồng, hai người cùng làm ăn mua bán tạp hóa tại chợ B, tiền hốt hụi của bà L là sử dụng chung trong gia đình, nên bà L kiện yêu cầu ông Ơ – bà L1 có nghĩa vụ liên đới trả là phù hợp với Điều 288 Bộ luật dân sự, HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do một phần yêu cầu của bà Đặng Thị L không được chấp nhận, nên lẽ ra bà L phải chịu án phí của phần không được chấp nhận. Tuy nhiện, bà L là đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Riêng ông Ơ – bà L1 phải cùng chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 288, 471 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu khởi kiện của bà Đặng Thị L.

Buộc ông Trần Văn Ơ – bà Nguyễn Thị L1 (G) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị L 341.000.000 đồng *(Ba trăm bốn mươi một triệu đồng)*

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị L buộc ông Trần Văn Ơ – bà Nguyễn Thị L1 (G) phải trả thêm 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*.

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án, bên phải Thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L1 – ông Trần Văn Ơ phải cùng chịu 17.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/9/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ